

Số: /BC-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo – tháng 8/2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

(để Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Báo cáo gửi Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, đồng thời gửi Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố để theo dõi, chỉ đạo theo Công văn số 3003-CV/ĐU ngày 26/5/2026)

Thực hiện Công văn số 630-CV/UBKTTU ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và Công văn số 3003-CV/ĐU ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố về báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết trọng tâm của Bộ Chính trị, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác tổ chức học tập, quán triệt, triển khai

Công tác nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 71-NQ/TW được Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai khẩn trương, nghiêm túc, lan tỏa sâu rộng. Thành phố tổ chức hội nghị trực tuyến quán triệt Nghị quyết đến 1.250 điểm cầu với hơn 75.200 đại biểu tham dự. Ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn chuyên sâu cho 309 cán bộ quản lý, đạt tỷ lệ tham dự 99,98%. Hệ thống trường ngoài công lập chủ động vào cuộc, chia sẻ áp lực ngân sách nhà nước.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện

Cấp Thành phố: Thành ủy ban hành Chương trình hành động số 09-CTrHĐ/TU ngày 02/3/2026 thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị; Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình hành động số 10-CTrHĐ/ĐU ngày 18/3/2026. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành

Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 phê duyệt Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ (Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025) và của Thành ủy, kèm các phụ lục chỉ tiêu, nhiệm vụ và nhu cầu đầu tư, giao nhiệm vụ cụ thể cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch số 3468/KH-SGDĐT ngày 20/4/2026 và Kế hoạch số 4545/KH-SGDĐT về thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo gắn với đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045 để cụ thể hóa.

Ủy ban nhân dân Thành phố quán triệt định hướng xuyên suốt: chuyển đổi phương thức quản lý giáo dục, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu; tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng trong cơ sở giáo dục; khuyến khích nguồn lực ngoài ngân sách phát triển mạng lưới trường lớp. Tầm nhìn đến năm 2030, 2045 tập trung ba trụ cột: đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai; số hóa hệ sinh thái giáo dục với mô hình trường học số cho 1.000 cơ sở; tích hợp trí tuệ nhân tạo vào dạy và học.

3. Công tác thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật

Thành phố thể chế hóa kịp thời chủ trương của Nghị quyết. Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành: Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND về mức hỗ trợ học phí (mở rộng sang khối ngoài công lập, ngân sách trực tiếp hỗ trợ một phần học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông dân lập, tư thục); Nghị quyết số 80/2025/NQ-HĐND về hỗ trợ trẻ em, học sinh, học viên tại cơ sở giáo dục chuyên biệt, hoàn cảnh khó khăn; Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND về hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số (cụ thể hóa qua Quyết định số 1656/QĐ-UBND).

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành: Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 phê duyệt Đề cương Đề án xây dựng Thành phố thành trung tâm quốc tế về giáo dục và đào tạo; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/01/2026 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3-5 tuổi (theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP); Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 28/01/2026 về nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 4418/QĐ-UBND về Bộ tiêu chuẩn Trường học số; Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 phê duyệt Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu đến năm 2030 bảo đảm tối thiểu 300 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học; Kế hoạch số 446/KH-UBND ngày 14/8/2026 triển khai chính sách miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố. Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 19/6/2026 quy định mức học bổng khuyến khích học tập của trường trung học phổ thông chuyên, trường năng khiếu. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày

03/8/2026; Ủy ban nhân dân Thành phố đang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026 - 2027 và tình hình thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW trên địa bàn Thành phố. Việc thể chế hóa bám sát Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố và Nghị định số 222/2025/NĐ-CP về tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai trong cơ sở giáo dục. Cùng với đó, đã rà soát 60 văn bản quy phạm pháp luật liên quan và đề xuất xử lý 34 văn bản không còn phù hợp phục vụ vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

4. Công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

Ủy ban nhân dân Thành phố cụ thể hóa Nghị quyết thành hệ thống chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm (Phụ lục I, II, III kèm Kế hoạch), giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu phối hợp thực hiện, gắn lộ trình từng năm và mốc hoàn thành 2030, 2045. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo vận hành cơ chế theo dõi, đôn đốc tiến độ qua chiến dịch thi đua xây dựng phòng học và hệ thống quản lý nhiệm vụ; tổ chức kiểm định, đánh giá trường đạt chuẩn quốc gia định kỳ; duy trì kiểm tra chuyên ngành đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Trong kỳ báo cáo, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 8101/SGDĐT-VP ngày 07 tháng 8 năm 2026 về báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW kỳ tháng 8 năm 2026, kèm theo Đề cương báo cáo (Phụ lục I) và hệ thống 07 biểu mẫu số liệu (Phụ lục II), gửi Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc; kỳ báo cáo tính từ ngày 12 tháng 7 năm 2026 đến ngày 11 tháng 8 năm 2026, thời hạn nộp trước 17 giờ 00 ngày 14 tháng 8 năm 2026; đồng thời ban hành Công văn số 8102/SGDĐT-VP ngày 07 tháng 8 năm 2026 đề nghị các sở, ban, ngành liên quan báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND (Sở Dân tộc và Tôn giáo đã phản hồi tại Công văn số 2851/SDTTG-DT ngày 12 tháng 8 năm 2026: không có nhiệm vụ chủ trì tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND; đã quán triệt Nghị quyết đến toàn thể công chức, người lao động; đang phối hợp triển khai Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND theo Quy chế tại Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 23/3/2026 - dự kiến năm học 2026 - 2027 chi hỗ trợ 88.485 học sinh với kinh phí 42.184.100.000 đồng trên cơ sở dự trù của 168 xã, phường, đặc khu; học kỳ 2 năm học 2025 - 2026 chi hỗ trợ 524 người dân tộc thiểu số với kinh phí 7.860.000.000 đồng; không có khó khăn, kiến nghị). Công văn yêu cầu báo cáo bám sát danh mục chỉ tiêu và danh mục nhiệm vụ tại các phụ lục kèm theo Quyết

định số 1410/QĐ-UBND và Kế hoạch số 4545/KH-SGDĐT; mọi nhận định phải kèm số liệu định lượng; mục không phát sinh nội dung phải ghi rõ “Không phát sinh”.

5. Công tác sơ kết, tổng kết

Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Nghị quyết. Báo cáo này là báo cáo định kỳ tháng 8 năm 2026 (kể thừa kết quả sơ kết giữa kỳ 6 tháng đầu năm 2026), làm cơ sở đánh giá tiến độ và điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo. Trong kỳ, Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ so với kỳ báo cáo tháng 7 năm 2026 để kiến nghị điều chỉnh công tác chỉ đạo, điều hành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân Thành phố cụ thể hóa Nghị quyết thành 38 chỉ tiêu đo lường tại Phụ lục I của Kế hoạch (34 chỉ tiêu chuyên môn ngành và 04 chỉ tiêu liên quan ngành), phần lớn có mốc hoàn thành năm 2030, một số mốc 2035 và 2045, hiện đang trong lộ trình thực hiện. Một số kết quả giữa kỳ nổi bật như sau:

1. Về đầu tư cơ sở vật chất, trường chuẩn quốc gia

Thành phố đạt chỉ tiêu đến cuối năm 2026 đạt 280 phòng học/10.000 dân số độ tuổi từ 3 đến 18, phấn đấu đạt 300 phòng học/10.000 dân vào năm 2030. Tính đến ngày 11 tháng 8 năm 2026, toàn Thành phố đạt 280 phòng học/10.000 dân, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, còn thiếu 20 phòng học/10.000 dân so với mục tiêu 300 vào năm 2030. Theo Phụ lục III của Kế hoạch, để đạt chỉ tiêu 300 phòng học/10.000 dân, toàn Thành phố cần đầu tư thêm 18.962 phòng học (tương ứng 341 trường tăng thêm). Ủy ban nhân dân Thành phố đã phát động chiến dịch “150 ngày đêm” xây dựng 1.000 phòng học mới chuẩn bị năm học 2026-2027; tính đến ngày 11 tháng 8 năm 2026 đã có 43/53 dự án hoàn thành với 829 phòng học mới, bảo đảm tiến độ 29 dự án phải hoàn thành trước ngày khai giảng năm học mới. Trong năm học 2026 - 2027, Thành phố dành hơn 274 tỷ đồng để sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, cải tạo trường lớp và bổ sung điều kiện hoạt động cho các trường mới thành lập. Riêng nhóm 16 đơn vị có báo cáo chi tiết kèm biểu mẫu đã tổng hợp được 25 phòng học hoàn thành, đưa vào sử dụng trước ngày 05 tháng 9 năm 2026 (phường Vườn Lài 04 phòng, phường Vĩnh Tân 09 phòng, xã Long Hải 12 phòng); phường Vĩnh Tân đang triển khai 06 dự án với quy mô 102 phòng học, trong đó 02 dự án quy mô 93 phòng học thuộc nhu cầu đầu tư chưa được bố trí vốn. Tổng số cơ sở giáo dục công lập đạt chuẩn quốc gia là 536/1.552 trường (34,54%), trong đó mầm non 28,37%, tiểu học 35,22%, trung học cơ sở 43,17%, trung học phổ thông 40,62%. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt 101 cơ sở giáo dục tham gia thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2026-2030. Chi ngân sách địa phương cho giáo

dục và đào tạo đạt 25,2% tổng chi ngân sách Thành phố (bảo đảm tỷ lệ chi đầu tư tối thiểu 5% và chi cho giáo dục đại học tối thiểu 3%); 70/168 phường, xã đã cập nhật, định vị tọa độ các khu đất quy hoạch dành cho giáo dục, phục vụ rà soát quỹ đất xây dựng trường lớp.

2. Về quy mô huy động và kết quả giáo dục

Bậc mầm non (số liệu hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tại thời điểm tháng 8 năm 2026): huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đạt 37,95% (117.200/308.816 trẻ; công lập 38.878 trẻ, chiếm 33,17%; ngoài công lập 78.322 trẻ, chiếm 66,83%), đạt 99,87% so với mục tiêu 38% đến năm 2030; huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đạt 95,10% (409.393/430.465 trẻ; công lập 171.920 trẻ, chiếm 41,99%; ngoài công lập 237.473 trẻ, chiếm 58,01%), đạt 98,04% so với mục tiêu 97%; 100% trẻ từ 3 đến 5 tuổi được học 2 buổi/ngày. Về làm quen tiếng Anh, có 1.235/1.832 trường mầm non tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh, đạt 67,4%; 858/3.332 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập triển khai thực hiện; tổng số trẻ mẫu giáo tham gia là 206.811/409.393 trẻ, đạt 50,52%, tương ứng 84,19% so với mục tiêu 60% đến năm 2030. Bậc phổ thông: 100% cơ sở đạt chuẩn phổ cập mức độ 3; hoàn thành tiểu học 96,71%; chuyển cấp tiểu học lên trung học cơ sở 96,42%; hoàn thành trung học phổ thông 92,74% (chưa phát sinh biến động so với Báo cáo số 2595/BC-SGDĐT ngày 30/3/2026 về kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025); tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày đạt 83,01%; 50% học sinh sau tốt nghiệp biết chơi tối thiểu 01 môn nghệ thuật hoặc nhạc cụ và 01 môn thể thao. Giáo dục mũi nhọn: đạt 288 giải học sinh giỏi quốc gia và 13 dự án đạt giải Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. Về khởi nghiệp, Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” cấp Thành phố năm học 2025 - 2026 có 376 dự án của 209 trường; tại Cuộc thi cấp quốc gia lần thứ VIII, học sinh Thành phố đạt 05 giải (02 giải Nhì, 03 giải Ba). Hội thi thể dục thể thao học sinh Thành phố có 56.905 học sinh tham gia. Tổ chức thành công kỳ thi tuyển sinh lớp 10 với 151.557 thí sinh đăng ký (tỷ lệ trúng tuyển công lập đạt 100,17% chỉ tiêu) và kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 với 139.678 thí sinh dự thi, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 99,76%, có 7/9 môn đạt điểm trung bình cao hơn bình quân chung toàn quốc.

3. Về chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính

Thành phố có 100 cơ sở đạt tiêu chuẩn Trường học số; cơ sở dữ liệu ngành đồng bộ mã định danh cá nhân cho trên 99% cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học, xác thực chéo với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hệ thống tuyển sinh đầu cấp ứng dụng Bản đồ số giáo dục, phân tuyến 100% trực tuyến, không cần giấy xác nhận cư trú. 100% trường áp dụng thanh toán học phí không dùng tiền mặt (trên 81% học sinh sử dụng); 100% học bạ được cấp dưới dạng số

(2.593.663 học sinh) với chữ ký số công vụ. Sở cung cấp 136 thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình; 6 tháng đầu năm 2026 tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 99,9% (3.461/3.463), giải quyết trước và đúng hạn đạt 99,85% (3.443/3.448). Về tin học chuẩn quốc tế, có 593.850/1.389.572 học sinh được học, đạt 42,74% (chuẩn Certiport 501.675 học sinh, chuẩn ICDL 92.175 học sinh); tỷ lệ đạt chứng chỉ cao nhất ở khối 11 (19,31%) và khối 10 (16,00%). Sở đẩy mạnh số hóa lĩnh vực quản lý chất lượng: hoàn thiện Đề án số hóa hồ sơ văn bản, chứng chỉ giai đoạn 2026-2030, chuẩn hóa dữ liệu và xây dựng lộ trình đổi mới khảo thí, tổ chức thi trên môi trường số; hoàn thành dự thảo Bộ tiêu chí cơ sở giáo dục chất lượng cao gắn hệ thống KPI theo Luật Đô thị đặc biệt. Các nhiệm vụ chuyển đổi số nêu trên đồng thời góp phần thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. Về phát triển đội ngũ và bộ máy

Thành phố khảo sát năng lực số cho 55.730 cán bộ, giáo viên; mở 135 lớp bồi dưỡng (39 lớp cơ bản, 96 lớp nâng cao) với 15.158 nhân sự đạt yêu cầu; tổ chức 1.505 lớp cấp giấy chứng nhận an toàn thông tin cho 100% cán bộ chuyên trách. Thực hiện tinh giản 16 biên chế khối cơ quan hành chính giáo dục; tuyển dụng viên chức đợt 1 đạt 3.909/5.696 vị trí. Trong năm 2026, Thành phố tổ chức nâng trình độ chuẩn cho 849 giáo viên; bồi dưỡng thường xuyên 101.013 lượt cán bộ quản lý, giáo viên; khảo sát năng lực tiếng Anh cho 45.796 giáo viên phổ thông; toàn Thành phố có 86 phường, xã, đặc khu có trường thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động (vượt chỉ tiêu đăng ký 77 đơn vị).

5. Về giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và nhân lực chất lượng cao

Quy mô lao động Thành phố là 4.940.081 người, trong đó 1.100.000 người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên (22,26%). Tổng số học sinh, sinh viên đại học, cao đẳng, trung cấp là 974.417 người, nhóm ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ (STEM) chiếm 273.713 người (28,09%), bảo đảm chỉ tiêu tối thiểu 28% tại Kế hoạch số 2181/KH-SGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2026. Tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2026, toàn Thành phố có 447 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (104 đơn vị công lập, 343 đơn vị tư thục), gồm 78 trường cao đẳng, 79 trường trung cấp, 29 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 74 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 187 cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; quy mô đào tạo khoảng 316.275 người học (cao đẳng 183.303 người, chiếm 57,95%; trung cấp 74.858 người, chiếm 23,66%; sơ cấp và đào tạo thường xuyên 58.114 người, chiếm 18,37%); đã tuyển mới 77.287 người học và có 77.112 người tốt nghiệp các trình độ. Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch số 3282/KH-SGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Kế hoạch số 4560/KH-SGDĐT ngày 18 tháng 5

năm 2026 về tổ chức thực hiện chỉ tiêu lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Lĩnh vực giáo dục thường xuyên có 30,95% (52/168 xã, phường) trung tâm học tập cộng đồng sở hữu kho học liệu số.

6. Về công tác chuẩn bị các điều kiện khai giảng năm học 2026 - 2027

Đây là nhiệm vụ trọng tâm của kỳ báo cáo tháng 8 năm 2026, kỳ báo cáo tính từ ngày 12 tháng 7 năm 2026 đến ngày 11 tháng 8 năm 2026. Kết quả cụ thể như sau: (i) Về phòng học, tính đến ngày 11 tháng 8 năm 2026, chiến dịch thi đua “150 ngày đêm hoàn thành 1.000 phòng học phục vụ năm học 2026 - 2027” đã có 43/53 dự án hoàn thành với 829 phòng học mới, bảo đảm tiến độ 29 dự án phải hoàn thành trước ngày khai giảng; riêng nhóm 16 đơn vị tuyến phường, xã, đặc khu có báo cáo chi tiết kèm biểu mẫu đã tổng hợp được 25 phòng học đưa vào sử dụng trước ngày 05 tháng 9 năm 2026; nhu cầu đầu tư còn lại rất lớn, tập trung tại phường Bình Hưng Hòa (13 dự án, 430 phòng học), phường Tân Mỹ (10 trường, 187 phòng học), phường Thủ Đức và phường Phú Thọ Hòa (mỗi đơn vị 02 trường, 166 phòng học), phường Vĩnh Tân (02 trường, 93 phòng học) và xã Phước Hòa (53 phòng học). (ii) Về đội ngũ, các đơn vị đã rà soát, xác định nhu cầu tuyển dụng, bố trí giáo viên; số biên chế còn thiếu tại các phường, xã đã báo cáo là 219 vị trí, trong đó phường Phú Thọ Hòa thiếu 88, xã Long Hải thiếu 31, xã Phước Hòa thiếu 29, xã Phú Giáo thiếu 26, phường Thủ Đức thiếu 24 và phường Vĩnh Tân thiếu 21, tập trung ở cấp trung học cơ sở và các môn học đặc thù (Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục quốc phòng và an ninh); phường Bình Hưng Hòa đã tiếp nhận bổ sung 17 giáo viên (04 mầm non, 13 tiểu học). Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động rà soát, sắp xếp, điều động, chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu, ưu tiên các khu vực có trường lớp mới xây dựng; 05 trường mới thành lập được bổ sung 111 giáo viên và 10 nhân viên, đủ điều kiện vận hành khi bắt đầu năm học mới. (iii) Về khung thời gian năm học, căn cứ Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung kế hoạch thời gian năm học và Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07 tháng 8 năm 2026 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027, Sở Giáo dục và Đào tạo đang tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2026 - 2027 và đã dự thảo văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông. (iv) Về sách giáo khoa và chính sách hỗ trợ người học, Thành phố chủ trương trang cấp sách giáo khoa cho 100% học sinh thuộc đối tượng yếu thế ở tất cả các khối lớp và toàn bộ học sinh có nhu cầu đăng ký, kinh phí ước khoảng 288 tỷ đồng; học sinh, sinh viên được hỗ trợ 100% giá vé xe buýt trên 134 tuyến của Thành phố và miễn phí 100% khám sức khỏe định kỳ đầu năm học. Một số đơn

vị phản ánh nguy cơ chậm cung ứng sách giáo khoa khối 10 và khối 11, cần theo dõi sát. (v) Về an toàn trường học và an toàn thực phẩm, các cơ sở giáo dục đã tổ chức tự kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất, hoàn thành sửa chữa nhỏ trước ngày 05 tháng 9 năm 2026; phường Bình Hưng Hòa đã sửa chữa 13 trường học chuẩn bị năm học mới. Một số đơn vị còn tồn tại về phòng cháy, chữa cháy, thoát nước và hạng mục xuống cấp, đã được giao khắc phục dứt điểm trước ngày khai giảng.

7. Về kết quả thực hiện tại tuyến phường, xã, đặc khu

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trực tiếp quản lý cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo về chuyên môn. Đến hết kỳ báo cáo, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận 278 phiếu trả lời trên hệ thống biểu mẫu trực tuyến và 569 tệp báo cáo, biểu mẫu đính kèm; trong đó có 67 Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu gửi báo cáo, đạt 39,88% trên tổng số 168 phường, xã, đặc khu. Kết quả tổng hợp như sau:

- Các đơn vị đã gửi báo cáo cơ bản hoàn thành quán triệt Nghị quyết đến 100% chi bộ, cơ sở giáo dục và ban hành kế hoạch thực hiện gắn Chương trình hành động của cấp ủy, điển hình: Kế hoạch số 5317/KH-UBND ngày 03/7/2026 và Kế hoạch số 4096/KH-UBND ngày 12/6/2026 của xã Nhuận Đức; Kế hoạch số 3626/KH-UBND ngày 18/6/2026 của xã Cần Giờ về bảo đảm tối thiểu 300 phòng học/10.000 dân; Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 24/7/2026 của phường Thủ Đức; Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 27/7/2026 của xã Long Hải; Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 26/6/2026 của phường Bình Hưng Hòa. Các đơn vị triển khai đồng bộ học bạ số, tuyển sinh trực tuyến, tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo đạt gần 100%.

- Về chỉ tiêu phòng học/10.000 dân (tổng hợp bước đầu từ nhóm đơn vị có số liệu chi tiết; số liệu 51 đơn vị còn lại đang được đối chiếu từ biểu mẫu đính kèm) tiếp tục phân hóa rõ giữa các địa bàn: nhóm đạt và vượt chỉ tiêu 300 gồm 10 đơn vị, tập trung ở khu vực dân cư ổn định, mật độ thấp (xã Thanh An 534,46; xã Cần Giờ 468; xã Phú Giáo 367; xã Thanh An 365; phường Vườn Lài 353; phường Tân Mỹ 350; phường Bình Tây 342; xã Phước Hòa khoảng 340; phường Phú Thọ Hòa 331; xã Long Hải 316 phòng/10.000 dân; riêng số liệu của phường Bình Tây và phường Phú Thọ Hòa còn mâu thuẫn với biểu mẫu kèm theo, Sở Giáo dục và Đào tạo đang yêu cầu đính chính); nhóm chưa đạt gồm 04 đơn vị, tập trung ở các phường đô thị hóa nhanh, tăng dân số cơ học (phường Vĩnh Tân 288; phường Thủ Đức 249, tương đương 83% mục tiêu; phường Nhiều Lộc 243,5; phường Bình Hưng Hòa 234,4 phòng/10.000 dân), chưa đạt mục tiêu 300 phòng học/10.000 dân vào năm 2030; 03 đơn vị không cung cấp số liệu định lượng (xã Nhuận Đức, phường Thanh Mỹ Tây, phường Hòa Hưng). Riêng

phường Tân Mỹ tuy đạt mức chung 350 nhưng cấp trung học cơ sở chỉ đạt 261 và cấp trung học phổ thông đạt 293, đồng thời xác định thiếu 187 phòng học ở thời điểm hiện tại và dự báo thiếu 826 phòng vào năm 2030.

- Chất lượng giáo dục cơ sở được duy trì tốt: nhiều đơn vị đạt tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia 100% (xã Phú Giáo 08/08, xã Cần Giở 08/08, xã Phước Hòa 06/06, xã Thanh An 03/03), xã Long Hải đạt 95,2%; tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày đạt 100% tại xã Phước Hòa, xã Thanh An, xã Long Hải, phường Thủ Đức, phường Vườn Lài. Tồn tại chung là tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn rất thấp tại các phường đô thị trung tâm (phường Bình Hưng Hòa 0%, phường Nhiều Lộc 20%, phường Vườn Lài 16,67% cấp tiểu học và 0% cấp trung học cơ sở, phường Thủ Đức 33,33%, phường Bình Tây 33%, phường Phú Thọ Hòa 35,71%); tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ còn thấp tại một số địa bàn (phường Vườn Lài 27%, xã Phước Hòa 34,8%, xã Phú Giáo 35,5%); tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày tại phường Bình Hưng Hòa mới đạt 67,2% (8.804/13.107 học sinh); thiếu giáo viên môn đặc thù và thiếu biên chế chuyên trách giáo dục cấp xã diễn ra diện rộng.

Đánh giá tổng quát: trong tổng số 38 chỉ tiêu được giao, phần lớn có mốc hoàn thành các năm 2030, 2035 và 2045, hiện bảo đảm tiến độ. Phân loại theo trạng thái: (i) Nhóm đã đạt và vượt lộ trình (07 chỉ tiêu): phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 (đạt 100%); hoàn thành trung học phổ thông (92,74%, vượt mốc 85%); tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho giáo dục (25,2%, vượt mốc tối thiểu 20%); học bạ số (100%, với 2.593.663 học sinh); thanh toán học phí không dùng tiền mặt (100% trường); cung cấp 100% thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình (136 thủ tục); đồng bộ mã định danh cán bộ, giáo viên, người học (trên 99%). (ii) Nhóm đang thực hiện đúng tiến độ (06 chỉ tiêu): phòng học/10.000 dân (đạt 280, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, đạt 93,33% mục tiêu 300 vào năm 2030); huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ (37,95%, đạt 99,87% mục tiêu 38% và đã cải thiện 4,00 điểm phần trăm so với kỳ tháng 7 năm 2026); huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo (95,10%, đạt 98,04% mục tiêu 97%); trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh (67,4% trường, 50,52% trẻ, đạt 84,19% mục tiêu); trường học số (100/1.000 cơ sở); tỷ lệ lao động qua đào tạo trình độ cao đẳng, đại học trở lên (22,26%/24%). (iii) Nhóm cần tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ (01 chỉ tiêu): tỷ lệ cơ sở giáo dục công lập đạt chuẩn quốc gia (34,54%/80%). Các chỉ tiêu còn lại đang trong lộ trình triển khai. So với kỳ tháng 7 năm 2026, chỉ tiêu huy động trẻ độ tuổi nhà trẻ đã chuyển từ nhóm chậm tiến độ sang nhóm bảo đảm tiến độ; số chỉ tiêu thuộc diện theo dõi đặc biệt giảm từ 02 xuống còn 01. Do phần lớn chỉ tiêu có mốc hoàn thành từ năm 2030 trở đi, đến kỳ báo cáo tháng 8 năm 2026 chưa có chỉ tiêu nào đến hạn bị đánh giá không hoàn thành.

Đối chiếu một số chỉ tiêu trọng tâm với mục tiêu Nghị quyết:

Chỉ tiêu	Mục tiêu (mốc)	Kết quả đến ngày 11/8/2026	Trạng thái
Phòng học/10.000 dân độ tuổi 3-18	280 (2026); 300 (2030)	280	Đạt chỉ tiêu năm 2026
Phổ cập tiểu học, THCS mức độ 3	100% (2030)	100%	Đạt
Hoàn thành THPT và tương đương	≥85% (2030)	92,74%	Đạt/vượt
Cơ sở giáo dục công lập đạt chuẩn quốc gia	80% (2030)	34,54%	Chậm tiến độ
Huy động trẻ nhà trẻ	38% (2030)	37,95%	Đang thực hiện
Huy động trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi	97% (2030)	95,10%	Đang thực hiện
Trường học số	1.000 cơ sở (2030)	100 cơ sở	Đang thực hiện
Trẻ mầm non làm quen tiếng Anh	100% cơ sở/60% trẻ (2030)	67,4%/50,52%	Đang thực hiện
Chi ngân sách địa phương cho giáo dục	≥20% (2030)	25,2%	Đạt/vượt
Học bạ số; thanh toán học phí không tiền mặt	100% (2030)	100%	Đạt
Hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến	100%	99,9%	Đang thực hiện
Lao động qua đào tạo trình độ CĐ, ĐH trở lên	24% (2030)	22,26%	Đang thực hiện

III. HẠN CHẾ, TỒN TẠI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, tồn tại, khó khăn

- Thứ nhất, tiến độ xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia chưa bảo đảm chỉ tiêu ở các cấp học (mới đạt 34,54%/80%), đặc biệt rất thấp tại các phường đô thị trung tâm do quỹ đất hạn hẹp; tỷ lệ huy động trẻ độ tuổi nhà trẻ tuy đã đạt 37,95% (99,87% mục tiêu) nhưng còn chênh lệch lớn giữa các địa bàn.

- Thứ hai, quá tải hạ tầng tại các khu vực dân cư tăng cơ học; tại một số địa bàn đô thị hóa nhanh, tỷ lệ phòng học còn thấp hơn mặt bằng chung của Thành phố; diện tích bình quân trên học sinh giảm; dự án xây mới chậm khâu giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư.

- Thứ ba, hạ tầng viễn thông, thiết bị tin học tại các nhóm lớp độc lập và trường ngoại thành thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu quản trị dữ liệu tập trung.

- Thứ tư, thiếu hụt cục bộ nhân sự giảng dạy, nhất là giáo viên chuyên biệt (Tin học, Ngoại ngữ, Nghệ thuật) và cán bộ công nghệ thông tin; chế độ tiền lương chưa tương xứng chi phí sinh hoạt đô thị, khó tuyển dụng và giữ chân.

- Thứ năm, khó khăn trong quản lý cơ sở ngoài công lập; mạng lưới nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập mở rộng nhanh trong khi nhân sự kiểm tra cấp phường, xã kiêm nhiệm nhiều đầu việc; thiếu thanh tra, giám sát chuyên môn thường xuyên sau cấp phép.

- Thứ sáu, tiến độ thẩm định, phê duyệt các đề án đổi mới (tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai, ứng dụng trí tuệ nhân tạo) kéo dài do phải lấy ý kiến nhiều cơ quan và chờ hướng dẫn tiêu chuẩn của cấp trên.

- Thứ bảy, năng lực và số liệu tuyển cơ sở chưa đồng đều: một số phường, xã báo cáo còn thiên định tính, số liệu chưa đồng bộ sau sắp xếp đơn vị hành chính; biên chế chuyên trách giáo dục tại phòng chuyên môn cấp xã mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm, ảnh hưởng công tác theo dõi, giám sát và chốt số liệu.

- Thứ tám, tiến độ tham mưu xây dựng, hoàn thiện và trình phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045” chưa bảo đảm theo kế hoạch đề ra. Sở Giáo dục và Đào tạo đang bổ sung, hoàn thiện hồ sơ Đề án theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 11319/VP-VX ngày 19 tháng 5 năm 2026 và đã ban hành Công văn số 8076/SGDĐT-GDPT ngày 07 tháng 8 năm 2026 gửi Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu lấy ý kiến.

- Thứ chín, kỷ luật báo cáo tuyển phường, xã, đặc khu chưa nghiêm: 67/168 đơn vị gửi báo cáo kỳ tháng 8 năm 2026 (39,88%), còn 101 đơn vị chưa gửi; 03 đơn vị không cung cấp số liệu định lượng chỉ tiêu phòng học/10.000 dân (xã Nhuận Đức, phường Thạnh Mỹ Tây, phường Hòa Hưng); 08 đơn vị có số liệu mâu thuẫn giữa phần lời văn và biểu mẫu; 07 đơn vị trực thuộc nộp sai loại văn bản (nộp Kế hoạch hoặc Quyết định thay cho Báo cáo kết quả); 62,7% tệp đính kèm nộp sai định dạng quy định. Tình trạng này ảnh hưởng trực tiếp đến độ tin cậy của số liệu tổng hợp toàn Thành phố.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan: áp lực dân số đô thị đặc biệt duy trì ở mức cao; quỹ đất công cho giáo dục khu vực trung tâm khan hiếm, chi phí đền bù giải tỏa lớn, làm chậm bổ sung phòng học và kéo giảm tỷ lệ trường chuẩn quốc gia; việc mở rộng địa giới hành chính Thành phố (sau hợp nhất) làm tăng khối lượng

công việc tuyển cơ sở; các đề án công nghệ, ngôn ngữ chưa có tiền lệ, phụ thuộc quy chuẩn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Nguyên nhân chủ quan: thu nhập từ ngân sách của giáo viên, kỹ thuật viên thấp hơn khu vực tư nhân gây khó tuyển dụng; đầu tư thiết bị, băng thông internet vùng ven chưa đáp ứng; một bộ phận cơ sở quy mô nhỏ chưa tuân thủ quy chế cập nhật dữ liệu, ảnh hưởng kết quả đánh giá, rà soát.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Ủy ban nhân dân Thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Triển khai Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội; rà soát quy hoạch mạng lưới trường lớp theo quy hoạch, ưu tiên khu vực có tốc độ gia tăng dân số cao, khu công nghiệp, khu đô thị mới và địa bàn còn khó khăn; ưu tiên quỹ đất và đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công để thực hiện chỉ tiêu 300 phòng học/10.000 dân; kéo giảm sĩ số học sinh/lớp; triển khai kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất trung hạn 2026-2030.

- Tập trung cao độ bảo đảm các điều kiện khai giảng năm học 2026 - 2027 theo nguyên tắc 6 rõ: rõ người - Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện; rõ việc - hoàn thành phòng học, tuyển dụng và bố trí giáo viên, cung ứng sách giáo khoa, quản lý các khoản thu đầu năm học, bảo đảm an toàn trường học và an toàn thực phẩm; rõ thời gian - hoàn thành trước ngày 05 tháng 9 năm 2026; rõ trách nhiệm - người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố; rõ sản phẩm - báo cáo điều kiện khai giảng kèm danh mục phòng học đưa vào sử dụng và danh sách nhân sự được bố trí; rõ thẩm quyền - Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bố trí vốn và biên chế theo đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức khai giảng năm học 2026 - 2027 an toàn, đúng tiến độ: hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng các phòng học trước ngày 05 tháng 9 năm 2026; hoàn tất tuyển dụng, bố trí đủ giáo viên đứng lớp, ưu tiên các môn học đặc thù; bảo đảm cung ứng đủ sách giáo khoa; quản lý chặt chẽ, công khai các khoản thu đầu năm học; hoàn thành khắc phục các tồn tại về an toàn trường học, phòng cháy, chữa cháy và an toàn thực phẩm. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2026 - 2027 theo Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027.

- Chấn chỉnh kỷ luật báo cáo: ban hành văn bản đôn đốc 101 phường, xã, đặc khu chưa gửi báo cáo kỳ tháng 8 năm 2026; yêu cầu các đơn vị có số liệu mâu thuẫn hoặc thiếu định lượng đính chính, bổ sung; ban hành hướng dẫn thống nhất phương pháp tính, nguồn dữ liệu và thời điểm chốt số liệu; đưa các chỉ tiêu chậm và tiến độ định vị quỹ đất giáo dục của từng phường, xã, đặc khu vào diện theo dõi đặc biệt hằng tháng trên hệ thống quản lý nhiệm vụ.

- Tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia; nhân rộng danh mục trường thực hiện mô hình tiên tiến, hội nhập quốc tế; mở rộng cơ sở thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chuyên ngành đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập; chuẩn hóa trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo khung tiêu chuẩn khu vực, gắn đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp.

- Ban hành hướng dẫn thống nhất phương pháp tính, nguồn dữ liệu và thời điểm chốt số liệu các chỉ tiêu để tuyến phường, xã, đặc khu báo cáo đồng bộ; kiện toàn, bổ sung biên chế chuyên trách giáo dục cho phòng chuyên môn cấp xã; ưu tiên vốn đầu tư và quỹ đất cho các địa bàn đô thị hóa nhanh còn thiếu phòng học.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

- Hoàn thiện, trình ban hành các quyết định về cơ chế tài chính, đầu tư cho giáo dục; chính sách khuyến khích xã hội hóa; cơ chế cho thuê công trình sở hữu nhà nước đối với cơ sở tư thục.

- Hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; chính sách khuyến khích khoa học, công nghệ trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- Tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành chính sách phụ cấp cho đội ngũ cụm trưởng chuyên môn, người làm công tác tư vấn học đường và giáo viên mầm non; Đề án bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng hội nhập.

3. Về các nội dung khác

- Hoàn thành chỉ tiêu Chương trình 1.000 trường học số và Đề án tích hợp trí tuệ nhân tạo; chuẩn hóa hệ thống quản trị học tập (LMS), đồng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ dịch vụ công trực tuyến, tuyển sinh tự động và quản lý văn bằng, học bạ điện tử.

- Đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp và giáo dục STEM/STEAM; bảo đảm tối thiểu 30% chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp thuộc khối STEM; xây dựng Đề án trung tâm quốc tế về giáo dục và đào tạo, thu hút sinh viên khu vực và thế giới.

- Hoàn thành nâng chuẩn trình độ đào tạo đội ngũ sư phạm; tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng số; sắp xếp, tổ chức lại một số đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn bộ máy.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở kết quả và khó khăn, vướng mắc nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo và báo cáo cấp có thẩm quyền các nội dung sau:

1. Với Ủy ban nhân dân Thành phố

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và quỹ đất cho các địa bàn có nhu cầu đầu tư phòng học lớn nhất theo báo cáo của tuyến phường, xã, đặc khu, tổng cộng 1.095 phòng học: phường Bình Hưng Hòa 430 phòng học (13 dự án), phường Tân Mỹ 187 phòng học (10 trường), phường Thủ Đức và phường Phú Thọ Hòa mỗi đơn vị 166 phòng học (02 trường), phường Vĩnh Tân 93 phòng học (02 trường), xã Phước Hòa 53 phòng học. Trong đó bố trí trước cho 04 đơn vị chưa đạt mục tiêu 300 phòng học/10.000 dân vào năm 2030 là phường Bình Hưng Hòa (234,4), phường Nhiêu Lộc (243,5), phường Thủ Đức (249) và phường Vĩnh Tân (288); các đơn vị còn lại tuy đã vượt mốc 300 nhưng chịu áp lực tăng dân số cơ học, cần đầu tư đón đầu.

- Chỉ đạo tháo gỡ điểm nghẽn quỹ đất để nâng tỷ lệ cơ sở giáo dục công lập đạt chuẩn quốc gia - chỉ tiêu chậm duy nhất còn lại của Thành phố (34,54% so với mục tiêu 80% vào năm 2030), trong đó rất thấp tại các phường đô thị trung tâm (phường Bình Hưng Hòa 0%, phường Nhiêu Lộc 20%, phường Thủ Đức 33,33%).

- Giao bổ sung chỉ tiêu biên chế cho ngành giáo dục để giải quyết 219 vị trí còn thiếu tại các phường, xã đã báo cáo; bố trí biên chế chuyên trách giáo dục cho Phòng Văn hóa - Xã hội cấp phường, xã, đặc khu, khắc phục tình trạng kiêm nhiệm.

- Sớm xem xét, phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045” sau khi Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện hồ sơ theo Công văn số 11319/VP-VX ngày 19 tháng 5 năm 2026.

- Bố trí kinh phí đầu tư, thay thế hạ tầng công nghệ thông tin và phòng máy đã sử dụng trên 10 năm tại các cơ sở giáo dục; ban hành định mức chi cho bản quyền phần mềm và tài khoản trí tuệ nhân tạo phục vụ dạy học.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu chấp hành nghiêm chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 15 hằng tháng; kỳ tháng 8 năm 2026 có 67/168 đơn vị gửi báo cáo, đạt 39,88%; còn 101 đơn vị chưa gửi báo cáo.

- Hoàn thiện cơ chế xếp bậc, hạng chức danh nghề nghiệp đối với nhà giáo; sớm ban hành Kế hoạch sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố phục vụ năm học 2026 - 2027 theo kiến nghị của tuyến phường, xã, đặc khu.

2. Với Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban Thường vụ Thành ủy

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy các phường, xã, đặc khu trong việc chấp hành chế độ báo cáo và bảo đảm chất lượng, độ tin cậy của số liệu báo cáo thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

- Tổng hợp, kiến nghị Trung ương ban hành cơ chế đặc thù đô thị đặc biệt về tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia, biên chế nhà giáo và nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo.

3. Với các bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn kiểm định, công nhận trường chuẩn quốc gia có tiêu chí riêng về diện tích, cấu trúc xây dựng phù hợp đô thị đặc biệt; ban hành bộ tiêu chí và công cụ đo lường thống nhất về trường học số, phòng học số, chuẩn xAPI và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; hướng dẫn cụ thể lộ trình đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ sớm ban hành văn bản hướng dẫn cơ chế hợp đồng chuyên gia và tuyển dụng linh hoạt đối với các môn học đặc thù còn thiếu giáo viên.

- Đề nghị Bộ Công an và Bộ Giáo dục và Đào tạo mở rộng kết nối Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, áp dụng xác thực tập trung VNeID.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Các Phó Giám đốc;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Các đơn vị liên quan theo công văn 8101/SGDĐT-VP;
- Lưu: VT, VP (Minh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Nhật Hằng

Phụ lục
DANH SÁCH ĐƠN VỊ ĐÃ GỬI BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ
QUYẾT SỐ 71-NQ/TW KỲ THÁNG 8 NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SGDDT ngày tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo
dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Số liệu tiếp nhận cập nhật đến ngày 17 tháng 8 năm 2026.

1. Sở, ban, ngành Thành phố

- Sở Dân tộc và Tôn giáo
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc

2. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu: 67/168 đơn vị (39,88%)

Danh sách 67 đơn vị:

1. Phường An Hội Tây	24. Phường Gò Vấp	47. Phường Tây Thạnh
2. Phường An Khánh	25. Phường Hòa Hưng	48. Phường Vĩnh Tân
3. Phường An Nhơn	26. Phường Khánh Hội	49. Phường Vườn Lài
4. Phường An Phú	27. Phường Long Bình	50. Phường Xóm Chiếu
5. Phường An Phú Đông	28. Phường Long Hương	51. Phường Đông Hòa
6. Phường Bà Rịa	29. Phường Long Nguyên	52. Phường Đức Nhuận
7. Phường Bàn Cờ	30. Phường Lái Thiêu	53. Xã Bà Điểm
8. Phường Bình Dương	31. Phường Nhiều Lộc	54. Xã Bà Bàn
9. Phường Bình Hưng Hòa	32. Phường Phú Lợi	55. Xã Bắc Tân Uyên
10. Phường Bình Lợi Trung	33. Phường Phú Thọ	56. Xã Long Hải
11. Phường Bình Phú	34. Phường Phú Thọ Hòa	57. Xã Minh Thạnh
12. Phường Bình Thới	35. Phường Sài Gòn	58. Xã Nhuận Đức
13. Phường Bình Trị Đông	36. Phường Tam Long	59. Xã Phú Giáo
14. Phường Bình Tây	37. Phường Tam Thắt	60. Xã Phú Hòa Đông
15. Phường Bình Đông	38. Phường Thuận An	61. Xã Phước Hòa
16. Phường Bến Cát	39. Phường Thạnh Mỹ Tây	62. Xã Phước Hải
17. Phường Chánh Hiệp	40. Phường Thủ Đức	63. Xã Phước Thành
18. Phường Chợ Quán	41. Phường Tân Bình	64. Xã Thanh An
19. Phường Cát Lái	42. Phường Tân Hiệp	65. Xã Thường Tân
20. Phường Cầu Kiệu	43. Phường Tân Khánh	66. Xã Thạnh An
21. Phường Cầu Ông Lãnh	44. Phường Tân Mỹ	67. Xã Trừ Văn Thố
22. Phường Diên Hồng	45. Phường Tân Sơn Nhì	
23. Phường Gia Định	46. Phường Tây Nam	

3. Đơn vị trực thuộc Sở (cơ sở giáo dục): 189 đơn vị, xếp theo loại hình

a) Trường trung học phổ thông, trường phổ thông nhiều cấp học: 159 đơn vị

1. Trường THPT Bình Phú - Bình Dương
2. Trường Tiểu học, THCS Và THPT Hòa Bình
3. Trường THCS và THPT Diên Hồng
4. Trường THCS và THPT Hồng Hà
5. Trường THCS và THPT Hồng Đức
6. Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ
7. Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến
8. Trường THCS và THPT Ngôi Sao
9. Trường THCS và THPT Phan Bội Châu
10. Trường THCS và THPT Phùng Hưng
11. Trường THCS và THPT Phạm Ngũ Lão
12. Trường THCS và THPT Sương Nguyệt Anh
13. Trường THCS và THPT Thanh An
14. Trường THCS và THPT Trí Đức
15. Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa
16. Trường THCS và THPT Đình Thiện Lý
17. Trường THCS và THPT Đức Trí
18. Trường THPT An Lạc
19. Trường THPT An Mỹ
20. Trường THPT An Nghĩa
21. Trường THPT An Nhơn Tây
22. Trường THPT Bà Rịa
23. Trường THPT Bà Điểm
24. Trường THPT Bàu Bàng
25. Trường THPT Bình An
26. Trường THPT Bình Chiểu
27. Trường THPT Bình Chánh
28. Trường THPT Bình Hưng Hòa
29. Trường THPT Bình Khánh
30. Trường THPT Bình Phú
31. Trường THPT Bình Tân
32. Trường THPT Bến Cát
33. Trường THPT Chuyên Hùng Vương
34. Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong
35. Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn
36. Trường THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
37. Trường THPT Châu Thành

38. Trường THPT Cần Thạnh
39. Trường THPT Củ Chi
40. Trường THPT Dĩ An
41. Trường THPT Dương Bạch Mai
42. Trường THPT Dương Văn Dương
43. Trường THPT Dương Văn Thị
44. Trường THPT Giồng Ông Tố
45. Trường THPT Hiệp Bình
46. Trường THPT Hoà Hội
47. Trường THPT Hoàng Hoa Thám
48. Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ
49. Trường THPT Hà Huy Tập
50. Trường THPT Hòa Bình
51. Trường THPT Hùng Vương
52. Trường THPT Hồ Thị Bi
53. Trường THPT Linh Trung
54. Trường THPT Long Hòa
55. Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh
56. Trường THPT Long Thới
57. Trường THPT Long Trường
58. Trường THPT Lê Lợi
59. Trường THPT Lê Minh Xuân
60. Trường THPT Lê Quý Đôn
61. Trường THPT Lê Thánh Tôn
62. Trường THPT Lê Trọng Tấn
63. Trường THPT Lý Thường Kiệt
64. Trường THPT Lương Thế Vinh
65. Trường THPT Lương Văn Can
66. Trường THPT Marie Curie
67. Trường THPT Minh Đạm
68. Trường THPT Mạc Đĩnh Chi
69. Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa
70. Trường THPT Nguyễn An Ninh
71. Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương
72. Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm
73. Trường THPT Nguyễn Chí Thanh
74. Trường THPT Nguyễn Công Trứ
75. Trường THPT Nguyễn Du
76. Trường THPT Nguyễn Du - Bà Rịa - Vũng Tàu
77. Trường THPT Nguyễn Hiền

78. Trường THPT Nguyễn Huệ-bà Rịa-vũng Tàu
79. Trường THPT Nguyễn Hữu Huân
80. Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến
81. Trường THPT Nguyễn Khuyến
82. Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu
83. Trường THPT Nguyễn Thái Bình
84. Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền
85. Trường THPT Nguyễn Thị Diệu
86. Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
87. Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương
88. Trường THPT Nguyễn Trung Trực
89. Trường THPT Nguyễn Trãi
90. Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương
91. Trường THPT Nguyễn Tất Thành
92. Trường THPT Nguyễn Văn Cừ
93. Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu
94. Trường THPT Nguyễn Văn Linh
95. Trường THPT Nguyễn Văn Tăng
96. Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
97. Trường THPT Ngô Gia Tự
98. Trường THPT Ngô Quyền
99. Trường THPT Năng khiếu TDTT
100. Trường THPT Phan Đăng Lưu
101. Trường THPT Phong Phú
102. Trường THPT Phú Mỹ
103. Trường THPT Phú Nhuận
104. Trường THPT Phước Bửu
105. Trường THPT Phước Kiển
106. Trường THPT Phước Long
107. Trường THPT Phước Vĩnh
108. Trường THPT Phạm Phú Thứ
109. Trường THPT Phạm Văn Sáng
110. Trường THPT Quang Trung
111. Trường THPT Tam Phú
112. Trường THPT Ten Lơ Man
113. Trường THPT Thanh Đa
114. Trường THPT Thái Hòa
115. Trường THPT Thường Tân
116. Trường THPT Thạnh Lộc
117. Trường THPT Thủ Đức

118. Trường THPT Trung Lập
119. Trường THPT Trung Phú
120. Trường THPT Trường Chinh
121. Trường THPT Trần Hưng Đạo
122. Trường THPT Trần Hưng Đạo - Bà Rịa - Vũng Tàu
123. Trường THPT Trần Hữu Trang
124. Trường THPT Trần Khai Nguyên
125. Trường THPT Trần Nguyên Hãn
126. Trường THPT Trần Phú - Bà Rịa - Vũng Tàu
127. Trường THPT Trần Quang Khải
128. Trường THPT Trần Quang Khải - Bà Rịa- Vũng Tàu
129. Trường THPT Trần Văn Giàu
130. Trường THPT Trần Văn Ơn
131. Trường THPT Trịnh Hoài Đức
132. Trường THPT Tân Bình
133. Trường THPT Tân Phong
134. Trường THPT Tân Phước Khánh
135. Trường THPT Tân Thông Hội
136. Trường THPT Tân Túc
137. Trường THPT Tây Nam
138. Trường THPT Tư Thục Lê Hồng Phong
139. Trường THPT Tạ Quang Bửu
140. Trường THPT Võ Nguyên Giáp
141. Trường THPT Võ Thị Sáu
142. Trường THPT Võ Thị Sáu - Côn Đảo
143. Trường THPT Võ Trường Toản
144. Trường THPT Võ Văn Kiệt
145. Trường THPT Vĩnh Lộc B
146. Trường THPT Vũng Tàu
147. Trường THPT Đa Phước
148. Trường THPT Đinh Tiên Hoàng
149. Trường THPT Đào Sơn Tây
150. Trường Tiểu học, THCS và THPT Marie Curie
151. Trường Tiểu học, THCS và THPT Nam Sài Gòn
152. Trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Tri Phương
153. Trường Tiểu học, THCS và THPT Thái Bình Dương
154. Trường Tiểu học, THCS và THPT Trí Đức
155. Trường Tiểu học, THCS và THPT Việt Anh
156. Trường Tiểu học, THCS và THPT Việt Anh 2
157. Trường Tiểu học, THCS và THPT Việt Anh 3

158. Trường Tiểu học, THCS và THPT Vạn Hạnh

159. Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí

b) Trường mầm non trực thuộc Sở: 1 đơn vị

160. Trường Mầm non Nam Sài Gòn

c) Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX, trường trung cấp: 17 đơn vị

161. Trung tâm GDNN-GDTX Bến Cát

162. Trung tâm GDNN-GDTX Dĩ An

163. Trung tâm GDNN-GDTX huyện Củ Chi

164. Trung tâm GDNN-GDTX quận 11

165. Trung tâm GDNN-GDTX quận 3

166. Trung tâm GDNN-GDTX quận Gò Vấp

167. Trung tâm GDNN-GDTX quận Tân Bình

168. Trung tâm GDNN-GDTX Thuận An

169. Trung tâm GDTX - DN- GTVL Châu Đức

170. Trung tâm GDTX Long Điền - Đất Đỏ

171. Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn

172. Trung tâm GDTX tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

173. Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm

174. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định

175. Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương

176. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh

177. Trường Trung cấp nghề Quang Trung

d) Trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập: 12 đơn vị

178. Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Bình Chánh

179. Trường chuyên biệt Bình Minh

180. Trường chuyên biệt Cần Thạnh

181. Trường chuyên biệt Quận 10

182. Trường chuyên biệt Tương Lai Quận 5

183. Trường Giáo dục chuyên biệt Hy Vọng Quận Gò Vấp

184. Trường Giáo dục chuyên biệt Niềm Tin

185. Trường Giáo dục chuyên biệt Thảo Điền

186. Trường Giáo dục chuyên biệt Tương Lai

187. Trường Hy Vọng Quận 6

188. Trường Hy Vọng Quận 8

189. Trường Tương Lai Quận 3

Ghi chú: 7 trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu cũng đã gửi báo cáo qua biểu mẫu trực tuyến; kết quả được ghi nhận, chuyển tổng hợp theo tuyến phường, xã, đặc khu, không thống kê vào danh sách đơn vị trực thuộc Sở.